TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2024/QĐST-DS	*T, ngày 11 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc "*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*";

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp A, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh,

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Chị **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1995 theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2023.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị Hồng P làm đại diện cùng với ông

Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Nguyễn Văn T thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000 đồng (hỗ trợ huê lợi từ cây trái trên đất). Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 thống nhất cho ông T xây cầu nối liền từ thửa đất số 1533, tờ bản đồ số 33, diện tích 516,8m^2 tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của ông T qua hương lộ 2 (cầu có chiều ngang 3m).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 đồng**.** Ông Nguyễn Văn T là người phải chịu án phí nhưng ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí.

Về chi phí tố tụng: là 900.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nhưng trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng ông đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện T, hoàn trả cho ông T 5.100.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Quyền